

Bản án số: 57/2019/HSPT

Ngày: 28/02/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường

Các Thẩm phán: Ông Võ Ngọc Thông

Bà Lê Thuý Cầu

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thanh Thủy, Cán bộ Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Ông Quách Đức Dũng, Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 02 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 14/2018/TLPT-HS ngày 03 tháng 12 năm 2018. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 79/2018/HSST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Các bị cáo có kháng cáo:

1) MAI DUY H, sinh ngày 03/5/1998 tại Đà Nẵng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: tổ 27, phường H9, quận X, thành phố Đà Nẵng Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: không xác định được và bà Mai Thị Ph; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt giam ngày 18/4/2018. Có mặt.

2) BÙI THANH B, sinh ngày 18/11/1996 tại Đà Nẵng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: tổ 21, phường H9, quận X, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Bùi Văn Th và bà Đinh Thị Thu Nh (cả hai đều còn sống); Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt giam ngày 17/4/2018. Có mặt

3) NGUYỄN THANH L (Tên gọi khác: Tám Càng), sinh ngày 16/11/1994 tại Đà Nẵng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 23, phường H9, quận X, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông:

Nguyễn Thanh V1 và bà Lê Thị Vũ H10 (cả hai đều còn sống); Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo bị bắt giam ngày 17/4/2018. Có mặt.

4) NGUYỄN THANH M (Tên gọi khác: Rin Cơ), sinh ngày 13/11/1999 tại Đà Nẵng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 10, phường H9, quận X, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Thanh Q và bà Nguyễn Thị Ngọc Tr (cả hai đều còn sống); Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo bị bắt giam ngày 25/5/2018. Có mặt.

5) HUỖNH NGỌC H1 (Tên gọi khác: H1Lớn), sinh ngày: 08/4/1997 tại Đà Nẵng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 01, phường Tam Thuận, quận T4, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Huỳnh Ngọc D và bà Nguyễn Thị Th1 (cả hai đều còn sống); Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 09/10/2015 bị Công an TP Đà Nẵng xử phạt hành chính về hành vi đánh nhau.

Bị cáo bị bắt giam ngày 17/4/2018. Có mặt.

6) LÊ H2 (Tên gọi khác: H2 Nhỏ), sinh ngày 04/02/1998 tại Đà Nẵng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 22, phường H9, quận X, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Trường S và bà Nguyễn Thị Diệu L2 (cả hai đều còn sống); Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo bị bắt giam ngày 17/4/2018. Có mặt.

7) NGUYỄN THANH H3 (tên gọi khác: Đen), sinh ngày 08/10/1999 tại Đà Nẵng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 13, phường T3, quận T4, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn L3 và bà La Thị Th2 (cả hai đều còn sống); Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 22/11/2016 bị Tòa án nhân dân quận L3 xử phạt 15 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, chấp hành xong ngày 28/4/2017 (*phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi*).

Bị cáo bị bắt giam từ ngày 08.5.2018, đến ngày 12.6.2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho tại ngoại. Có mặt.

8) TRẦN NGUYỄN NHẬT LONG H4 (tên gọi khác: Rôn), sinh ngày 01/3/2000 tại Đà Nẵng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 11, phường T3, quận T4, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Đ và bà Nguyễn Thị Th3 (cả hai đều còn sống); Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 22/11/2016 bị Tòa án nhân dân quận L3 xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”, thời gian thử thách là 24 tháng (*phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi*). Bị cáo bị bắt giam ngày 08/5/2018. Có mặt.

9) HOÀNG VĂN T, sinh ngày 29/11/1999 tại Đà Nẵng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 34, phường T3, quận T4, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Hoàng T4 và bà Dương Thị T5 (cả hai đều còn sống); Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 22/11/2016 bị Tòa án nhân dân Quận L3 xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”, thời gian thử thách 24 tháng (*phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi*). Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo:

- Luật sư **Lê Thị Hồng Th4** - đoàn Luật sư TP Đà Nẵng bào chữa cho các bị cáo Trần Quang Quốc T1, Lê H2 theo yêu cầu của Tòa án. Có mặt.

- Luật sư **Nguyễn Tiến T6** - đoàn Luật sư TP Đà Nẵng bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thanh L theo yêu cầu của Tòa án. Có mặt

- Luật sư **Nguyễn Thành Đ1** - đoàn Luật sư TP Đà Nẵng bào chữa cho các bị cáo Mai Duy H, Nguyễn Thanh M theo yêu cầu của Tòa án. Có mặt.

- Luật sư **Nguyễn Chí T7** - thuộc đoàn Luật sư TP Đà Nẵng bào chữa cho bị cáo Bùi Thanh B theo yêu cầu của Tòa án. Có mặt.

- Luật sư **Nguyễn Huy V2** - Đoàn Luật sư TP Đà Nẵng bào chữa cho bị cáo Huỳnh Ngọc H1 theo yêu cầu của Tòa án. Có mặt.

Trong vụ án này, bị cáo Trang Nguyễn Gia H7 có kháng cáo nhưng đã rút toàn bộ kháng cáo trước khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:

Bị cáo: Trần Quang Quốc T1, Vương Công H5, Nguyễn Hoàng Anh V, Đặng Văn L1, Lý Trọng N, Mai Khánh H6, Cao Minh K, Nguyễn Trương Quốc T2 không có kháng cáo và không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 12.10.2017, do nghe thông tin **Trần Quang Quốc T1** đòi đánh mình nên **Đặng Văn L1** gọi điện cho T1 nói “*mi ở mô đó, nghe nói mi đòi đánh ta hả*” thì T1 và L1 thách đố nhau, sau đó hẹn đánh nhau tại khu vực siêu thị C (*thuộc phường V3, quận T4, thành phố Đà Nẵng*).

Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, **Trần Quang Quốc T1** rủ **Vương Công H5, Bùi Thanh B, Nguyễn Thanh L, Trang Nguyễn Gia H7, Huỳnh Ngọc H1, Mai Duy H, Nguyễn Hoàng Anh V** đi đánh nhau thì tất cả đồng ý, **Lê H2,**

Nguyễn Thanh M biết đi đánh nhau, mặc dù T1 không rủ nhưng vẫn đồng ý tham gia đi đánh nhau để giúp T1. Nhóm T1 tập trung tại số 54 Đường C2, quận X, Đà Nẵng. Tại đây, T1 đã chuẩn bị sẵn khoảng 7 cây dao tự chế (*dài khoảng 60- 80cm, lưỡi bằng kim loại sắc nhọn*), phát cho B 1 cây dao, Vương Công H5 2 cây dao, V 1 cây dao, L 1 cây dao, H 1 cây dao, T1 cầm 1 cây. Trong đó khoảng 5 cây dao là do T1 chở V về nhà T1 lấy, 02 cây dao còn lại là do **Nguyễn Thanh M** chở T1 qua quận Ngũ Hành Sơn gặp một người tên Đức (*không rõ lai lịch, nơi ở*) lấy. Sau đó, L điều khiển xe mô tô BKS: 43D1-631.17 chở V, Ngọc H1 điều khiển xe mô tô BKS: 43C1-661.67 chở B, Lê H2 điều khiển xe mô tô BKS: 43S5-1939 chở H, Gia H7 điều khiển xe mô tô BKS: 43C1-486.29 chở Vương Công H5, M điều khiển xe mô tô BKS: 43C1-696.02 chở T1 đi ra đầu kiệt hàng heo.

Còn **Đặng Văn L1** rủ **Lý Trọng N, Nguyễn Thanh H3** đi đánh nhau thì tất cả đồng ý, **Trần Nguyễn Nhật Long H4, Mai Khánh H6, Nguyễn Trương Quốc T2, Hoàng Văn T, Cao Minh K** biết đi đánh nhau mặc dù L1 không rủ nhưng tất cả vẫn đồng ý tham gia đi đánh nhau để giúp L1. Nhóm L1 tập trung tại chợ TG (*đoạn giao nhau giữa đường O, đường Q1, và đường D2*), tại đây L1 lấy ra 04 cây dao tự chế (*dài khoảng 60-80cm, lưỡi sắc nhọn, không rõ đặc điểm*) để xuống đất, thì lúc này Thanh H3, N, Long H4 mỗi người lại lấy 1 cây dao (*còn 01 cây dao thì không ai rõ ở đâu*) - Dao do L1 về nhà lấy mang đến. Sau đó L1 điều khiển xe mô tô BKS: 43C1-64354 chở N, Khánh H6 điều khiển xe mô tô BKS:43D1-454.05 chở T2, T điều khiển xe mô tô BKS: 43D1- 585.73 chở Long H4, K điều khiển xe mô tô BKS: 43D1-556.46 chở Thanh H3 đi đến địa điểm đánh nhau.

Khi thấy nhóm Út L1 đi đến trước số nhà 227 Hùng Vương thì T1 cầm ly thủy tinh ném về nhóm L1 nhưng không trúng ai, L lấy bình nước của quán bên đường ném vào người K, H cầm ghế nhôm của quán bên đường ném vào xe K. Thanh H3 ngồi sau thấy nhóm T1 có nhiều người cầm dao chạy ra nên liền nhảy xuống bỏ chạy về phía chợ C1. Khánh H6 và T2 hoảng sợ bỏ chạy thẳng và rẽ qua đường C2 rồi về nhà. K quay đầu xe lại nhưng bị trượt ngã xuống đường, K đang ngồi bệt trên đường, hai tay che đầu (*đầu đội mũ bảo hiểm lưỡi trai màu đen*), thì bị H, Vương Công H5, T1, V, B cầm dao chạy ra chém vào người: H cầm dao bằng tay phải chém 01 nhát từ trên xuống dưới, từ phải sang trái trúng vào tay phải của K, Vương Công H5 cầm dao tay phải chém từ trên xuống dưới trúng vào K (*nhưng không rõ trúng vào vị trí nào*), T1 cầm dao bằng tay phải chém 02 nhát từ trên xuống dưới theo phương thẳng đứng, 01 nhát vào đầu của K làm vỡ đôi mũ bảo hiểm, 01 nhát trúng vào tay trái của K, V cầm dao bằng tay phải chém 01 nhát từ trên xuống dưới theo phương thẳng đứng trúng vào chân phải của K, B cầm dao bằng tay phải chém 01 nhát từ trên xuống dưới, từ phải sang trái vào bàn tay trái của K. Những người còn lại trong nhóm T1 gồm: L,

Gia H7, Ngọc H1, Lê H2, M đứng đợi ở trong kiệt.

Thấy K bị chém thì L1, N, Thanh H3, Long H4, T chạy lại chỗ K. Thấy nhóm L1 xông đến, Ngọc H1 điều khiển xe chạy đến chỗ T1, Vương Công H5 bỏ chạy, H, L, B, V, Lê H2, M bỏ chạy, Long H4 với N đuổi theo vào trong kiệt 288 Hùng Vương, thành phố Đà Nẵng thì thấy Gia H7 đang ngồi trên xe, Long H4 và N cầm dao xông đến chém Gia H7: Long H4 cầm dao bằng tay phải chém 02 nhát từ phải sang trái trúng vào tay trái của Gia H7. N cầm dao tay phải chém theo hướng từ phải sang trái theo phương ngang 02 nhát trúng vào chân trái của Gia H7, Gia H7 bỏ chạy vào trong kiệt 288 Hùng Vương.

Sau khi bị chém, K nằm bất động trên đường được Ngọc H1 cùng mọi người đưa đi cấp cứu.

Tại Bản kết luận Giám định pháp y về thương tích số: 16/Tgt ngày 22/01/2018 của Trung tâm pháp y TP Đà Nẵng, kết luận thương tích của Cao Minh K:

Đa vết thương: vết thương phức tạp tay phải, vết thương căng chân phải, vết thương bàn tay trái gây: Đứt gần toàn bộ Cơ duỗi, đứt thần kinh quay, mẻ 1/3 trên hai xương cẳng tay; Đứt gân cơ chày trước, gân cơ mác, đứt thần kinh hông khoeo ngoài, nứt 1,3 trên hai xương cẳng chân phải; gãy xương bàn II, toác cơ bàn tay trái. Đã được phẫu thuật nối gân cơ, thần kinh, kết hợp xương. Các tổn thương phần mềm khác (Đỉnh chẩm có vết thương đã lành sẹo phẳng, bờ mép phẳng gọn kích thước 3,5x0,2cm). Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 56%.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 11/Tgt ngày 19.01.2018 của Trung tâm pháp y thành phố Đà Nẵng kết luận thương tích của Trang Nguyễn Gia H7: vết thương khuỷu tay trái rách gân, chảy máu đã được phẫu thuật khâu cân, khâu vết thương. Hiện tại tổn thương bên ngoài đã lành sẹo, vận động khuỷu tay trong giới hạn bình thường; vết thương cẳng chân trái lộ cơ đứt, chảy máu đã được phẫu thuật khâu cơ, khâu vết thương. Hiện tại tổn thương bên ngoài đã lành sẹo, vận động cẳng chân trái trong giới hạn bình thường; Các tổn thương phần mềm khác. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 14%

Tại kết luận giám định pháp y tâm thần số: 768/KLGĐTC ngày 04/9/2018 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền trung kết luận Nguyễn Trương Quốc T2:

Trước, trong và sau khi gây án: Về y học: Rối loạn tâm thần và hành vi do sử dụng nhiều loại ma túy, trạng thái hỗn hợp (F 19.56). Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

*Về tang vật: Sau khi gây án các bị cáo đối tượng đã vứt hung khí tại hiện trường và trên đường bỏ chạy, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không tìm được.

Đối với xe mô tô BKS: 43C1-66167 do Bùi Thanh B đứng tên chủ sở hữu, B sử dụng xe trên làm phương tiện đi đánh nhau. Tuy nhiên xe này do bà Đinh Thị Thu

Nhi đứng ra mua trả góp, tiền do bà Nhi trả. Tại thời điểm xảy ra vụ án giấy đăng ký xe mô tô BKS: 43C1-66167 công ty Tài chính HD Sài Gòn vẫn đang giữ do đó Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Đà Nẵng không thu giữ xe trên.

*** Tại bản án hình sự sơ thẩm số 79/2018/HSST ngày 26/11/2018, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:**

1. Tuyên bố:

- Các bị cáo Mai Duy H, Bùi Thanh B, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Thanh M, Huỳnh Ngọc H1, Lê H2 phạm tội “Giết người”.

- Các bị cáo Trần Nguyễn Nhật Long H4, Nguyễn Thanh H3, Hoàng Văn T, phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Căn cứ: điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm 0 khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 57; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

2.1. Căn cứ: điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 57; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: **Mai Duy H** 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 18.4.2018

2.2. Căn cứ: điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 57; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: **Bùi Thanh B** 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 17.4.2018.

2.3. Căn cứ: điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 57; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: **Nguyễn Thanh L** 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 17.4.2018.

2.4. Căn cứ: điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 57; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: **Huỳnh Ngọc H1** 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 17.4.2018.

2.5. Căn cứ: điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 57; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 102 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: **Nguyễn Thanh M** 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 25.5.2018.

2.6. Căn cứ: điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 57; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: **Lê H2** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 17.4.2018.

2.7. Căn cứ: điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: **Nguyễn Thanh H3** 02 (hai) năm tù. Được trừ đi thời gian đã bị tạm giam là 01 tháng 05 ngày (từ ngày 08.5.2018 đến ngày 12.6.2018), còn lại bị cáo phải chấp hành là 22 tháng 25 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2.8. Căn cứ: điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Khoản 5 Điều 65; Điều 91; Điều 101; Điều 104 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: **Trần Nguyễn Nhật Long H4** 15 (mười lăm) tháng tù. Tổng hợp với 12 tháng tù của bản án số 73/2016/HSST ngày 22.11.2016 của Tòa án nhân dân Quận L3 buộc bị cáo chấp hành là 27 (hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam 08.5.2018.

2.9. Căn cứ: điểm đ khoản 2, Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Khoản 5 Điều 65; Điều 91; Điều 101; Điều 104 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: **Hoàng Văn T** 12 (mười hai) tháng tù. Tổng hợp với 12 tháng tù của bản án số 73/2016/HSST ngày 22.11.2016 của Tòa án nhân dân Quận L3 buộc bị cáo chấp hành là 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, các bị cáo Mai Duy H, Bùi Thanh B, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Thanh M, Huỳnh Ngọc H1, Lê H2, Nguyễn Thanh H3, Trần Nguyễn Nhật Long H4, Hoàng Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với 5 bị cáo đã rút toàn bộ kháng cáo tại phiên toà; Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh M, sửa bản án sơ thẩm, giảm một phần hình phạt cho bị cáo; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Nguyễn Nhật Long H4, Nguyễn Thanh H3, Hoàng Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh M thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên toà phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết

giảm nhẹ, bị cáo khi phạm tội là người chưa thành niên, vai trò của bị cáo trong vụ án, hoàn cảnh gia đình bị cáo để giảm hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại toà, căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, các bị cáo thừa nhận hành vi và tội danh như cấp sơ thẩm xét xử là đúng. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở khẳng định: Do mâu thuẫn trong chuyện tình cảm mà các bị cáo Trần Quang Quốc T1 và Đặng Văn L1 đã thách đố, hẹn địa điểm và rủ rê các bị cáo khác chuẩn bị hung khí để đánh nhau. Nhóm của T1 gồm: Trần Quang Quốc T1, Vương Công H5, Bùi Thanh B, Nguyễn Thanh L, Trang Nguyễn Gia H7, Huỳnh Ngọc H1, Mai Duy H, Nguyễn Hoàng Anh V, Lê H2, Nguyễn Thanh M. Nhóm của L1 gồm: Đặng Văn L1, Lý Trọng N, Nguyễn Thanh H3, Trần Nguyễn Nhật Long H4, Mai Khánh H6, Nguyễn Trương Quốc T2, Hoàng Văn T, Cao Minh K. Vào khoảng 21h ngày 12/10/2017, tại khu vực trước số nhà 227, đường Hùng Vương, thành phố Đà Nẵng, khi nhóm của Đặng Văn L1 đang trên đường đi đến địa điểm để đánh nhau thì nhóm của T1 bất ngờ từ trong kiệt lao ra đuổi đánh nhóm của L1, T1 cầm ly thủy tinh, L cầm bình nước, H cầm ghế nhôm ném vào xe và người của Cao Minh K, làm K hoảng sợ ngã xuống đường thì các bị cáo T1, Vương Công H5, H, V, B lao vào dùng dao tự chế chém theo hướng từ trên xuống dưới vào tay chân, đầu của Cao Minh K làm vỡ mũ bảo hiểm K đang đội trên đầu. K dùng hai tay ôm đầu thì các bị cáo tiếp tục chém từ trên xuống nhiều nhất trúng vào tay của K. Lúc này nhóm của Đặng Văn L1 cũng xông vào dùng dao tự chế đuổi đánh nhóm của T1 nên nhóm của T1 bỏ chạy. Lý Trọng N và Trần Nguyễn Nhật Long H4 (trong nhóm của L1) đuổi theo vào trong kiệt thấy Trang Nguyễn Gia H7 (trong nhóm của T1) đang ngồi trên xe nên đã dùng dao chém vào tay của H7 hai nhát và chém vào chân của H7 hai nhát. Hậu quả Cao Minh K bị nhiều vết thương, trong đó có vết thương ở đầu, tỷ lệ thương tích 56%. Việc K không chết là do K có đội mũ bảo hiểm, dùng tay ôm giữ đầu và do nhóm của L1 giải cứu cũng như được cứu chữa kịp thời. Trang Nguyễn Gia H7 cũng bị thương tích 14%.

Với hành vi phạm tội đó, Toà án cấp sơ thẩm đã xử các bị cáo Bùi Thanh B, Nguyễn Thanh L, Huỳnh Ngọc H1, Mai Duy H, Lê H2, Nguyễn Thanh M về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 93 BLHS năm 1999; xử các bị cáo Nguyễn Thanh H3, Trần Nguyễn Nhật Long H4, Hoàng Văn T, về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Tại phiên toà phúc thẩm các bị cáo: Mai Duy H, Bùi Thanh B, Nguyễn Thanh L, Huỳnh Ngọc H1, Lê H2, đã tự nguyện rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét kháng cáo mà đình chỉ việc xét xử phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Thanh M. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Trong vụ án này bị cáo Nguyễn Thanh M tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức. Bị cáo M là người chở bị cáo T1 đi lấy hung khí, chở T1 đi đánh nhau và chở T1 bỏ chạy và sau đó còn bỏ trốn, tuy nhiên bị cáo M không trực tiếp đánh, khi phạm tội là người chưa thành niên, tham gia trong vụ án do bị rủ, nghe theo lời của bị cáo khác. Toà án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 06 (sáu) năm tù là có phần nặng so với các bị cáo khác là người thành niên có hành vi phạm tội tương đồng trong vụ án này. Mặt khác, tại giai đoạn phúc thẩm phía bị hại tiếp tục có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm một phần hình phạt cho bị cáo Nguyễn Thanh M như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phúc thẩm và quan điểm của người bào chữa cho bị cáo.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Trần Nguyễn Nhật Long H4, Nguyễn Thanh H3, Hoàng Văn T (bị xét xử về tội “Cố ý gây thương tích”), Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Các bị cáo Nguyễn Thanh H3, Hoàng Văn T tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức. Khi lượng hình cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, vai trò của các bị cáo, mức án cấp sơ thẩm tuyên là phù hợp. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thanh H3 và Hoàng Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà. Đối với bị cáo Trần Nguyễn Nhật Long H4, khi phạm tội là người chưa thành niên, tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức nhưng sơ thẩm xử phạt bị cáo Trần Nguyễn Nhật Long H4 15 tháng tù là có phần chưa thoả đáng. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng xem xét giảm cho bị cáo Trần Nguyễn Nhật Long H4 một phần hình phạt, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật đối với người chưa thành niên phạm tội.

Kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Thanh H3 và Hoàng Văn T phải chịu án phí phúc thẩm hình sự; Kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Thanh M, Trần Nguyễn Nhật Long H4 không phải chịu án phí phúc thẩm hình sự, theo quy định tại Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH K14 về án phí, lệ phí Toà án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Mai Duy H, Bùi Thanh B, Nguyễn Thanh L, Huỳnh Ngọc H1, Lê H2. Bản án hình sự sơ thẩm số 79/2018/HS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng có hiệu lực pháp luật.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thanh H3, Hoàng Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm:

2.1 Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; Điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt: Nguyễn Thanh H3 **02 (hai)** năm tù, về tội “Cố ý gây thương tích”, nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giam là 01 tháng 05 ngày (từ ngày 8.5.2018 đến ngày 12.6.2018), còn lại bị cáo phải chấp hành là **22 tháng 25 ngày tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2.2 Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; Điểm b,s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54; Điều 58; khoản 5 Điều 65; Điều 91; Điều 101; Điều 104 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt: Hoàng Văn T 12 (mười hai) tháng tù, về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp với 12 tháng tù của Bản án số 73/2016/HSST ngày 22.11.2016 của Tòa án nhân dân Quận L3, buộc bị cáo phải chấp hành là **24 (hai mươi bốn) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Căn cứ vào Điểm b khoản 1 Điều 355; Điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh M và Trần Nguyễn Nhật Long H4, sửa bản án sơ thẩm:

3.1 Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 57; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 102 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt: Nguyễn Thanh M **5 (năm) năm** tù về tội “Giết người”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 25.5.2018.

3.2 Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; Điểm b,s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; khoản 5 Điều 65; Điều 91; Điều 101; Điều 104 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt: Trần Nguyễn Nhật Long H4 **12(mười hai)** tháng tù, về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp với 12 tháng tù của bản án số 73/2016/HSST ngày 22.11.2016 của Tòa án nhân dân Quận L3, buộc bị cáo phải chấp hành là **24(hai mươi bốn)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam 08.5.2018.

Các bị cáo Nguyễn Thanh H3, Hoàng Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Thanh M, Trần Nguyễn Nhật Long H4 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND, VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV – C. an TPĐN
- Cơ quan CSTHAHS - Công an thành phố ĐN;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Trại tạm giam Hòa Sơn, công an Đà Nẵng;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Cường